

Số: 01/2025/QĐST-HNGĐ

Mường Tè, ngày 29 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2025/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, giữa:

1. *Nguyên đơn, anh:* Giàng A S, sinh ngày 13/01/1997 - Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh L; số CCCD: 012097002823.

2. *Bị đơn, chị:* Sùng Thị S, sinh 01/01/1996 - Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh L; số CCCD: 012196002456.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc tự nguyện thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Giàng A S - sinh ngày 13/01/1997 và chị Sùng Thị S, sinh 01/01/1996.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Giàng A S và chị Sùng Thị S, thoả thuận, nhất trí: Thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Anh Giàng A S và chị Sùng Thị S, thoả thuận, nhất trí, sau khi ly hôn. Giao 02 con chung là Giàng Thị Hương X (nữ), sinh ngày 20/03/2012 (12 tuổi) và Giàng Hùng P (nam), sinh ngày 27/03/2014 (10 tuổi). Cho anh Giàng A S là người trực tiếp nuôi hai con. Chị Sùng Thị S không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom con, anh Giàng A S không được cản trở.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Giàng A S và chị Sùng Thị S, thoả thuận, nhất trí, sau khi ly hôn. Chị Sùng Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai

con chung là Giàng Thị Hương X và Giàng Hùng P mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho một con. Tổng số tiền chị Sùng Thị S cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng / 01 tháng. Thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực là ngày 29/10/2024, cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

2.4. Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, anh Giàng A S và chị Sùng Thị S, thỏa thuận, nhất trí. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.5. Về nợ chung, nợ riêng trong thời kỳ hôn nhân: Không có, anh Giàng A S và chị Sùng Thị S, thỏa thuận, nhất trí. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí: Anh Giàng A S và chị Sùng Thị S, thỏa thuận, nhất trí. Anh Giàng A S nộp toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.6.1. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Giàng A S nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền 150.000 đồng, cụ thể như sau:

- Anh Giàng A S nộp số tiền 75.000 đồng và nộp cho chị Sùng Thị S số tiền 75.000 đồng. Được khấu trừ trong tổng số tiền 300.000 đồng dự phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ký hiệu: BLTU/23, số 0000699, ngày 09/10/2024. Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh L

- Trả lại cho anh Giàng A S, sinh ngày 13/01/1997 - Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh L - Nơi làm việc: Công ty than Dương H - Địa chỉ: Phường T, thành phố C, tỉnh Q - Số điện thoại liên lạc 0363654426 - Số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí tòa án sơ thẩm đã nộp theo quy định của pháp luật.

- Chị Sùng Thị S, không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CCTHADS huyện M;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lò Xuân Hải